

Bản án số: 908/2019/HC-PT

Ngày: 23- 12- 2019

*V/v Khiếu kiện thu hồi, bồi  
thường trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Công Mười

Ông Trần Xuân Minh

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 380/2019/TLPT-HC ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện thu hồi, bồi thường trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 18/2019/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 380/2019/QĐPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông **Ngô Sỹ T**, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: A Đường C, phường N, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**2. Người bị kiện:**

**2.1- Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

**2.2- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và Chủ tịch UBND tỉnh BR- VT có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông **Phan Văn M** –Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (có mặt).

- Ông **Phạm Khuê N** –Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt).

### 2.3- Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu.

### 2.4- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông **Võ Văn Q** –Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu (có mặt).

- Bà **Hoàng Thị Thanh N** –Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu (vắng mặt)

### 3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị H**;

Trú tại: Số A đường L, phường C, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (vắng mặt).

### 4. Người kháng cáo: Ông **Ngô Sỹ T**.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện người khởi kiện ông Ngô Sỹ T trình bày:*

Ngày 18/10/1975, Ban quản lý nhà đất Thành phố Vũng Tàu cấp “Giấy xác nhận số 28/QLND/VT” về nội dung ông Đinh Văn T đã đăng ký 5000m<sup>2</sup> đất tại khu đồi 3, khóm Phước An, phường Phước Thắng. Giấy này không có họa đồ giải thửa. Năm 1981, Ủy ban nhân dân (Sau đây gọi là UBND) phường Thắng Nhất cấp “Giấy xác nhận đã đăng ký đất” cho ông Đinh Văn T diện tích 5000m<sup>2</sup> đất sản xuất gồm: 3500m<sup>2</sup> đất rẫy, 1500m<sup>2</sup> đất phen mặn. Ngày 20/6/1986, ông T viết giấy tay sang đất cho ông Ngô Sỹ T, nội dung: Sang nhượng diện tích 25m rộng X 200m dài = 5000m<sup>2</sup> và giao toàn bộ giấy tờ gốc.

Diện tích 5000m<sup>2</sup> đất gia đình ông T nhận sang nhượng năm 1986 từ ông Đinh Văn T, có vị trí tại chân đồi 3, Phước An, Phước Thắng, đặc khu Vũng Tàu- Côn Đảo. Khi chuyển nhượng không có sổ tờ, sổ thửa, không có xác nhận của chính quyền địa phương, nhưng hai bên có ra đất chỉ ranh (nhưng không lập biên bản bàn giao đất). Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T giao giấy tờ sử dụng đất cho ông T, gồm: “Giấy xác nhận số 28/QLND/VT” của Ban quản lý nhà đất Thành phố Vũng Tàu cấp năm 1975, “Giấy xác nhận đã đăng ký đất” cấp năm 1981 của UBND phường Thắng Nhất, ngoài ra không có giấy tờ nào khác.

Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 1988 ông T tiến hành trồng khoảng 400 cây bạch đàn xung quanh đất để giữ đất. Ông T không trực tiếp sử dụng đất mà nhờ ông Trường (ở gần khu đất) trông coi dùm từ năm 1988-1992. Túr cận

đất như sau: giáp đất ông Tước, bà Son, kênh Cao đẳng cộng đồng, và khu đôi 3. Quá trình sử dụng đất ông T không kê khai đăng ký vì nghĩ là đã có giấy tờ của ông Đinh Văn T. Đến năm 2005, ông T đi nộp thuế sử dụng đất đối với diện tích nêu trên và xin cấp giấy, hồ sơ nộp tại Ủy ban nhân dân phường 11, nhưng không được giải quyết.

Năm 2007, ông T mới phát hiện ra diện tích đất của ông đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường cho bà Lê Thị H tại Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 02/03/2001. Sau đó, ông đi khiếu nại và được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại liên tục từ năm 2007 đến ngày 20/11/2014, UBND thành phố Vũng Tàu có Công văn số 5215/UBND-TNMT hướng dẫn ông khởi kiện ra tòa. Ngày 11/9/2015, ông có đơn khởi kiện đến Tòa án.

Nay ông yêu cầu UBND Tỉnh thực hiện việc thu hồi, bồi thường 5000m<sup>2</sup> đất, cây và hoa màu trên đất cho ông T theo Điều 9,10 Nghị định 197/NĐ-CP. Ông không có yêu cầu gì với bà Lê Thị H, cũng không tranh chấp với bà H.

*Trong quá trình giải quyết vụ kiện Theo văn bản ý kiến số 641/UBND-PTQĐ ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Văn bản số 3522/UBND-VP ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Diện tích đất ông T khiếu nại yêu cầu bồi thường 5000m<sup>2</sup> đất thuộc dự án Trường cao đẳng cộng đồng, phường 11, thành phố Vũng Tàu, nằm trong diện tích 9.652m<sup>2</sup> mà UBND Tỉnh đã ban hành Quyết định số 2223/QĐ-UB ngày 02/3/2001 về việc bồi thường cho bà Lê Thị H với số tiền 160.574.780 đồng và bà H đã nhận số tiền này. Hiện nay dự án Trường cao đẳng cộng đồng đã xây dựng xong và đưa vào hoạt động từ lâu. Diện tích đất bà H được bồi thường thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H, với diện tích 10.602m<sup>2</sup> thửa 34, tờ bản đồ số 45, phường 11, thành phố Vũng Tàu, có quá trình sử dụng xuyên suốt từ trước năm 1975 đến khi bà H đăng ký kê khai năm 1993. Hiện trạng trên đất khi kiểm kê năm 2000, bà H trồng nhãn, điều và hơn 5000 cây bạch đàn các loại. Do vậy, Quyết định số 2223/QĐ-UB thu hồi, bồi thường cho bà H là đúng theo quy định pháp luật.

Giấy tờ ông T cung cấp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường gồm: Giấy xác nhận của ban quản lý nhà đất thành phố Vũng Tàu ngày 18/10/1975 và giấy xác nhận đã đăng ký đất của UBND phường Thắng Nhất năm 1981 cấp cho ông Đinh Văn T. Tuy nhiên, đều không có sổ tờ, sổ thửa, sơ đồ vị trí tọa lạc. Nên không có cơ sở cho rằng diện tích đất này nằm trong diện tích đất đã bồi thường cho bà H. Theo báo cáo số 720/UBND-ĐC ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân phường 11, thì “về vị trí đất hiện nay không thể hiện có tên ông Ngô Sỹ T trên bản đồ địa chính phường 11, ông T xác nhận từ thời điểm sang nhượng không trực tiếp canh tác trên đất (Từ năm 1986-2005).

Do đó, không có cơ sở để xem xét bồi thường cho ông T.

***Tại bản án sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:***

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Sỹ T về việc yêu cầu được bồi thường đối với diện tích đất 5000m<sup>2</sup> đã bồi thường cho bà Lê Thị H theo Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 02/3/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất của bà Lê Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, ông Ngô Sỹ T kháng cáo Bản án sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa hôm nay ông T trình bày: Ông không tranh chấp đất với bà H, đất ông không chồng lấn đất bà H. Từ năm 1988 ông không sử dụng nhưng có nhờ ông Trường trông coi đất, ông không sử dụng đất do ông không làm nông nghiệp. Nguồn gốc đất ông sang nhượng của ông T nhưng ông không còn bản gốc giấy sang nhượng viết tay với ông T. Tuy nhiên cơ quan nhà nước đã làm việc với ông T và ông T xác nhận bán đất cho ông. Giấy tờ đất của ông T không có số thửa, việc xác định số thửa do nhà nước xác định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT, ông M trình bày: Ông T thực tế không sử dụng đất, quá trình giải quyết đơn của ông T thì ông không xác định được vị trí đất của mình, ông chỉ vào phần đất của bà H đang sử dụng, ông T không xuất trình được bản chính giấy sang nhượng đất của ông T. Đề nghị bác kháng cáo của ông T.

Ông Q trình bày: Khi các cơ quan thuộc UBND thành phố Vũng Tàu làm việc với ông T thì ông T chỉ ranh đất trùng với đất bà H. UBND và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu giữ nguyên quan điểm trình bày trước đây.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: cấp phúc thẩm thực hiện đúng các quy định tố tụng, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: Nguồn gốc thửa đất số 34 là của bà H do chuyển nhượng lại, năm 1993 bà H đã đăng ký và có tên trong sổ mục kê, bà H là người sử dụng đất. Ông T cho rằng đất bồi thường cho bà H là đất của ông nhưng các giấy tờ đất ông T xuất trình không có nội dung về số thửa, vị trí, do đó không có căn cứ để xác định phần đất bà H được bồi thường là đất của ông T. Bà H là người sử dụng đất liên tục nên được bồi thường. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]- Phần đất 5.000m<sup>2</sup> mà ông T yêu cầu bồi thường có nguồn gốc của bà Bùi Thị H khai phá trước năm 1975 nằm trong phần đất có diện tích 13.540m<sup>2</sup> theo Biên bản đo đạc vị trí thửa địa dư ngày 10/4/1975, có họa đồ vị trí, chú giải thuộc lô G, được Ty điền địa thị xã Vũng Tàu xác nhận. Ngày 30/4/1976, bà H viết tay sang nhượng cho bà Nguyễn Thị H, sau đó đến ngày 20/6/1988 bà H viết giấy biên nhận sang lại cho bà Lê Thị H. Quá trình sử dụng từ năm 1993, bà H thực hiện việc kê khai đăng ký trong sổ mục kê Phường 11, thành phố Vũng Tàu tại thửa 34, tờ bản đồ số 45 với diện tích 10.602m<sup>2</sup>. Bà H nộp thuế đất hàng năm đầy đủ từ năm 1992 và sử dụng liên tục đến khi thu hồi năm 2002.

[2]- Theo kết quả kiểm kê tài sản trên đất khi thu hồi đất ngày 07/11/2000 thể hiện chủ sử dụng đất bà Lê Thị H, trên đất thu hồi có cây điều, nhãn, ổi, 5640 cây bạch đàn các loại do bà H trồng, cho nên năm 2001 Nhà nước thực hiện việc bồi thường cho bà H là đúng quy định tại Điều 2, Điều 73 của Luật đất đai năm 1993.

[3] Ông T cho rằng phần đất 5.000m<sup>2</sup> của ông nằm trong phần đất mà bà H được bồi thường theo Quyết định số 2232/QĐ-UBND nhưng ông T chỉ cung cấp được Giấy xác nhận của Ban quản lý nhà đất thành phố Vũng Tàu ngày 18/10/1975 và Giấy xác nhận đã đăng ký đất của UBND phường Thắng Nhất năm 1981 cấp cho ông Đinh Văn T. Tuy nhiên, về nội dung các giấy xác nhận trên đều không có số tờ, số thửa, không có sơ đồ vị trí tọa lạc. Ông T cũng không cung cấp được bản chính giấy sang nhượng đất của ông T. Ông T cũng không có quá trình sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ xác định phần đất bà H được bồi thường theo Quyết định số 2232/QĐ-UBND của UBND tỉnh BR- VT là đất của ông T sang nhượng từ ông T.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Ngô Sỹ T phải chịu nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Sỹ T; Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

- Áp dụng Điều 2, Điều 73 của Luật đất đai năm 1993.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Sỹ T về việc yêu cầu được bồi thường đối với diện tích đất 5.000m<sup>2</sup> đã bồi thường cho bà Lê Thị H theo Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 02/3/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của bà Lê Thị H.

## 2. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Ngô Sỹ T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 23/12/2019.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Hùng**